

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03-7-2020

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Nhị

2/ Ông Phạm Quốc Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 153/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11/6/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1961. Địa chỉ: ấp 3, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Bi đơn: bà Võ Thị S, sinh năm: 1960. Địa chỉ: số 13 Lô F khu dân cư khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2020, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C có nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân, ông C và bà S tự tìm hiểu được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới 1985 và không có đăng ký kết hôn và chung sống như vợ chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc, cuộc sống chung không hòa hợp, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2007 đến nay. Nay ông C xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên ông C yêu cầu được ly hôn với bà S. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 22/6/1989 và Nguyễn Minh H1, sinh ngày 21/5/1998, ly hôn con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Võ Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn đúng như lời ông C trình bày, nay ông C yêu cầu ly hôn thì bà S không đồng ý. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 22/6/1989 và Nguyễn Minh H1, sinh ngày 21/5/1998, ly hôn con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng hai bên không đoàn tụ được, ông C kiên quyết ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của ông Nguyễn Văn C tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Võ Thị S. Bà S cư trú tại thị trấn Thủ Thừa, huyện T, tỉnh Long An, nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông C và bà S tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1985 đến nay là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2007 đến nay. Nay ông C thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể hàn gắn được nên ông C yêu cầu được ly hôn với bà S. Bà S có đến Tòa để giải quyết, có ý kiến không đồng ý ly hôn nhưng hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2007 đến nay mà bà S không đưa ra bất kỳ giải pháp nào hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông C và bà S là trầm trọng. Yêu cầu xin ly hôn của ông C là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 22/6/1989 và Nguyễn Minh H1, sinh ngày 21/5/1998, ly hôn con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Cho đến khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết phần chia tài sản chung và nợ chung trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí: ông C là nguyên đơn nên phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C đối với bà Võ Thị S.

Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Võ Thị S.

Về nuôi con chung: con đã trưởng thành, không giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

2/ Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007193, ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An. Ông C nộp đủ án phí. Bà Võ Thị S không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết nếu không đồng ý với quyết định của bản án thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 03/7/2020.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Nguyễn Lưu Thủy